TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 12-6-2023
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận và ông Trần Đức Hòa
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: **Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên.**

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, về *việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng".*Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* bà Đỗ Thị N; Sinh năm: 1967
Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn Đ; Sinh năm: 1965
Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
Nơi ở hiện nay: Thôn 8 (nay là thôn B), xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 02 năm 2023, nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông Đ chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc, bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, kinh tế độc lập. Nay, bà thấy mâu

thuẫn trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông Đ. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bàvới ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Đ có hai người con chung, họ tên là Nguyễn Thị X, sinh năm1992 và Nguyễn Danh T, sinh năm 1993. Các con chung của bà với ông Đ đã thành niên,không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông và bà Đỗ Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, không đăng ký kết hôn vì lý do không hiểu biết pháp luật. Ông và bà N chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không sự hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cải vả. Hiện nay, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông thì ông cũng đồng ý giải quyết tại Tòa án huyện Bù Đăng.

Về con chung: Ông với bà N có 02 người con chung, họ tên: Nguyễn Thị X, sinh năm 1992 và Nguyễn Danh T, sinh năm 1993. Các cháu đã thành niên, có gia đình riêng, không đặt vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông với bà N có 01 căn nhà cấp 4 và 20m mặt tiền tại thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, hiện nay chưa phân chia. Nếu có yêu cầu giải quyết thì ông sẽ làm đơn khởi kiện bà N theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Đ trình bày: Ông đồng ý Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với bà N, tuy nhiên với điều kiện phải giải quyết chia tài sản chung với bà N. Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng: Về thủ tục tố tụng: Không có ý kiến gì. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, tuyên không công nhận quan hệ giữa bà N và ông Đ là vợ chồng; về con chung đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết; về tài sản và nợ: Không xem xét giải quyết, bị đơn ông Đ nếu có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu ông Đ nộp đơn khởi kiện theo quy định pháp luật. Về án phí: Đương sự nộp theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn ông Đ. Ông Đ có nơi cư trú tại Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước và có nơi ở hiện nay: Thôn 8 (nay là thôn B), xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, ông Đ đồng ý giải quyết vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà N tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đ tự nguyện chung sống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn, hiện nay bà N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đ. Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà N, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Đỗ Thị N và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà N và ông Đ có hai người con chung, họ tên là Nguyễn Thị X, sinh ngày 1992 và Nguyễn Danh T, sinh năm 1993. Các con chung của bà N và ông Đ đã thành niên, các bên không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn bà Đỗ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, bị đơn ông Đ yêu cầu chia tài sản chung với bà N là căn nhà cấp 4 và 20m mặt tiền tại Thôn 1, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Tại Thông báo số 55/TB-TA, ngày 23/3/2023, TAND huyện Bù Đăng đã thông báo ông Nguyễn Văn Đ nếu có yêu cầu chia tài sản chung với bà N để nghị ông nộp đơn phản tố chia tài sản chung, tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Đ không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung với bà N, hiện nay tại phiên tòa ông yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, yêu cầu chia tài sản chung của ông Đ không được xem xét giải quyết. Trường hợp ông có yêu cầu chia tài sản chung với bà N thì ông nộp đơn khởi kiện và được xem xét giải quyết trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Đỗ Thị N và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Đ và bà N có hai người con chung là Nguyễn Thị X, sinh ngày 1992 và Nguyễn Danh T, sinh năm 1993. Các con chung của ông Đ và bà N đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3.Về tài sản và nợ: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4.Về án phí: buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị N phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ – ST được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000đ theo Biên lai số 0000936, ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà